

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT KRÔNG ANA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 133 /QĐ-KRNA

Krông Ana, ngày 14 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Công khai Dự toán thu - chi ngân sách
Tháng 01 đến tháng 08 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT KRÔNG ANA

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1269/SGDDT-KHTC ngày 31/12/2025 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính trường THPT Krông Ana.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu Thu - Chi ngân sách nhà nước năm 2026 (theo biểu số liệu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán, các bộ phận liên quan và toàn thể cán bộ, viên chức nhà trường thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công khai trên website của trường;
- Lưu: VT, HSCH.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Ninh

Đơn vị: Trường THPT Krông Ana
Chương: 074

Biểu số 3

**BẢNG ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
THÁNG 01 ĐẾN 08 NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số: 133/QĐ-KRNA Của Hiệu trưởng
trường THPT Krông Ana)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Dvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	thực hiện 8 tháng đầu năm 2026	So sánh (%)
I/	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0
	Số năm trước chuyển qua			
1/	Số thu phí, lệ phí (kể cả cấp bù)			
1,1	Lệ phí			
1,2	Phí (học phí)	0	0	
2/	Chi từ nguồn thu phí được để lại (cấp bù chi TX)	1.678.000.000	853.844.112	51%
2,1	Chi sự nghiệp: Giáo dục	0		
a/	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b/	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2,2	Chi quản lý hành chính			
3/	Số phí, lệ phí nộp thuế			
3,1	Lệ phí			
3,2	Phí (học phí)			
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	28.171.403.696	17.433.998.457	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	28.171.403.696	17.433.998.457	
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	303.429.696		
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	27.867.974.000	17.433.998.457	63%

Chi lương	19.336.200.000	12.356.346.000	
Chi xuyên	442.000.000	124.553.057	28%
Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo nghị định số 238/2025/NĐ-CP	1.959.900.000	1.070.250.000	
Kinh phí thực hiện chính sách học bổng và phương tiện học tập cho học sinh khuyết tật theo TTLT 42/2013	36.000.000	9.360.000	
Kinh phí thực hiện chính sách đối với học sinh bán trú và học viên bán trú theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP	364.592.000	209.952.000	
Kinh phí chi trả cho hội đồng coi thi, điểm coi thi kì thi tốt nghiệp THPT năm 2026	133.282.000	133.282.000	
Sửa chữa, cải tạo sân thể dục (gd2), lát gạch sân trường	1.620.000.000	1.617.494.000	
Sửa chữa phòng hội trường, cầu nối phòng bộ môn với dãy nhà A và B	1.440.000.000	383.261.400	
Sơn sửa dãy phòng học 3 tầng	1.530.000.000	1.529.500.000	
Quỹ tiền thưởng (Mã nguồn 18)	1.006.000.000	0	

Người lập

phạm Thị Thu Thảo

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Văn Ninh